



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02/2025

 CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Những thay đổi về thi hành án dân sự trong Nghị định số 152/2024/NĐ-CP

- Bổ sung quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự
- Sửa đổi các quy định về đấu giá tài sản

Một số điểm mới của Luật Công chứng 2024

- Quy định về công chứng điện tử
- Công chứng viên
- Loại bỏ việc công chứng bản dịch
- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp

- Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp là gì?
- Thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp tại Tòa án

Những thay đổi về thi hành án dân sự trong Nghị định số 152/2024/NĐ-CP

Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ("**Nghị định 152**") đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định về thi hành án dân sự trong Nghị định 62/2015/NĐ-CP ("**Nghị định 62**"), đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 33/2020/NĐ-CP ("**Nghị định 33**"). Sau đây là một số thay đổi liên quan đến các quy định về thi hành án dân sự trong Nghị định 152.

1. Bổ sung quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự

Khoản 5 Điều 1 Nghị định 152 bổ sung các quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự đối với tài sản là chứng khoán như sau:

- Đối với chứng khoán đang niêm yết hoặc đang đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán:

Chấp hành viên ra quyết định phong tỏa chứng khoán gửi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Chấp hành viên, VSDC thực hiện phong tỏa chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và gửi thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự và thành viên lưu ký.

Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý chứng khoán. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được thông báo hợp lệ quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý chứng khoán, đương sự được thỏa thuận về việc bán chứng khoán và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự về thỏa thuận đó.

Hết thời hạn trên, cơ quan thi hành án dân sự ban hành văn bản yêu cầu VSDC chuyển chứng khoán đã kê biên sang cơ quan thi hành án dân sự. Cơ quan thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với số chứng khoán đã nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, VSDC phải thực hiện việc chuyển chứng khoán. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển chứng khoán, Chấp hành viên thực hiện việc bán thỏa thuận của đương sự. Trường hợp đương sự không thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì Chấp hành viên thực hiện bán chứng khoán theo phương thức khớp lệnh với mức giá tham chiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án thì ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế kê biên, cơ quan thi hành án dân sự ban hành văn bản yêu cầu VSDC chuyển chứng khoán đã kê biên sang cơ quan thi hành án dân sự và thực hiện việc bán chứng khoán theo phương thức khớp lệnh với mức giá tham chiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Những thay đổi về thi hành án dân sự trong Nghị định số 152/2024/NĐ-CP

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch và đã đăng ký tập trung tại VSDC hoặc đang niêm yết, đăng ký giao dịch nhưng không bán được, việc xử lý được thực hiện theo hình thức phong tỏa tài khoản; ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản. Trình tự, thủ tục định giá, bán chứng khoán được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan. Sau khi bán chứng khoán, cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản yêu cầu VSDC thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho người mua.
- Việc xử lý chứng khoán, cổ phần, phần vốn góp không thuộc trường hợp nêu trên và giấy tờ có giá thì được kê biên, xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan. Khi ra quyết định kê biên, Chấp hành viên đồng thời ban hành văn bản thông báo về việc kê biên tài sản đó cho doanh nghiệp nơi người phải thi hành án góp vốn và các cơ quan, tổ chức có liên quan để ngăn chặn việc chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự.
- Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và chi phí thi hành án mà người phải thi hành án còn tài sản khác thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền liên quan thông báo ngay cho cơ quan thi hành án dân sự khi phát sinh các giao dịch đối với tài sản đó để phối hợp xử lý.



Những thay đổi về thi hành án dân sự trong Nghị định số 152/2024/NĐ-CP

2. Sửa đổi các quy định về đấu giá tài sản

Điều 27 Nghị định 62 quy định về việc bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án. Nghị định 152 đã có những sửa đổi, bổ sung so với Nghị định 33 như sau:

Nghị định 152 bổ sung quy định về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Cụ thể, nếu các đương sự không thỏa thuận được về tổ chức đấu giá, Chấp hành viên sẽ lựa chọn tổ chức đấu giá theo pháp luật về đấu giá tài sản. Nghị định 33 không đề cập đến trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận.

Nghị định 152 thay đổi thời hạn giao tài sản cho người mua đấu giá. Trong khi Nghị định 33 quy định thời hạn giao tài sản là 30 ngày, nhưng có thể kéo dài đến 60 ngày trong trường hợp khó khăn, phức tạp thì Nghị định 152 quy định thời hạn giao tài sản là 60 ngày, chỉ ngoại trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Điều này loại bỏ yếu tố "khó khăn, phức tạp" và tạo sự rõ ràng hơn trong việc thực hiện.

Nghị định 152 bổ sung chế tài đối với người mua tài sản đấu giá không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn. Nếu người mua không nộp hoặc nộp không đủ số tiền trong 30 ngày, cơ quan thi hành án dân sự có thể hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ theo quy định của pháp luật. Nghị định 33 không đề cập đến hậu quả pháp lý cụ thể trong trường hợp này.

Nghị định 152 đã có những thay đổi quan trọng nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Những sửa đổi, bổ sung này giúp làm rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan thi hành án, đồng thời đưa ra các quy định chặt chẽ hơn đối với các bên liên quan, đặc biệt trong lĩnh vực đấu giá tài sản và cưỡng chế thi hành án. Những thay đổi này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch, công bằng trong quá trình thi hành án, mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

Một số điểm mới của Luật Công chứng 2024

Ngày 26/11/2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Công chứng 2024. Theo đó, Luật Công chứng 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, quy định các vấn đề liên quan công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, việc hành nghề công chứng, thủ tục công chứng và quản lý nhà nước về công chứng, đặc biệt trên môi trường số. Thông qua bài viết này, TNTP sẽ đem đến cho người đọc các điểm mới đáng chú ý của Luật Công chứng 2024.

1. Quy định về công chứng điện tử

Nhằm đáp ứng xu hướng chuyển đổi số và đảm bảo sự thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành, Luật Công chứng 2024 đã bổ sung các quy định về công chứng điện tử. Theo đó, Điều 63 Luật Công chứng 2024 đã quy định các điều kiện công chứng viên và các tổ chức hành nghề công chứng cần đáp ứng để cung cấp dịch vụ công chứng điện tử, bao gồm:

Đối với công chứng viên:

- Có tài khoản để thực hiện công chứng điện tử;
- Có chữ ký số và sử dụng dịch vụ cấp dấu thời gian theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Đối với tổ chức hành nghề công chứng:

- Có tài khoản để thực hiện công chứng điện tử;
- Có chữ ký số và sử dụng dịch vụ cấp dấu thời gian theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;
- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật để thực hiện công chứng điện tử.

Bên cạnh đó, Điều 65 Luật Công chứng 2024 đã quy định các hình thức thực hiện công chứng điện tử, giúp người dân linh hoạt lựa chọn hình thức phù hợp với nhu cầu và điều kiện của mình, bao gồm:

Công chứng điện tử trực tiếp là việc người yêu cầu công chứng giao kết giao dịch trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên; công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận giao dịch bằng chữ ký số để tạo ra văn bản công chứng điện tử;

Công chứng điện tử trực tuyến là việc các bên tham gia giao dịch có yêu cầu công chứng không có mặt tại cùng một địa điểm và giao kết giao dịch thông qua phương tiện trực tuyến trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên; công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận giao dịch bằng chữ ký số để tạo ra văn bản công chứng điện tử.

Một số điểm mới của Luật Công chứng 2024

2. Công chứng viên

Luật Công chứng 2024 đã đưa ra một số điểm mới quan trọng như sau:

2.1. Giảm thời gian công tác pháp luật

Luật Công chứng 2014 yêu cầu công chứng viên phải có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật. Trong khi đó, Luật Công chứng 2024 rút ngắn thời gian công tác xuống còn 03 năm sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật.

2.2. Bắt buộc tham gia khóa đào tạo nghề công chứng

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 10, Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Luật Công chứng 2024, các quy định liên quan đến các đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng đã được bãi bỏ. Theo đó, một trong những điều kiện bắt buộc để trở thành công chứng viên là các cá nhân phải tham gia và hoàn thành khóa đào tạo nghề công chứng trong 12 tháng. Tuy nhiên, một số đối tượng nhất định sẽ được rút ngắn thời gian đào tạo xuống còn 06 tháng, bao gồm:



Một số điểm mới của Luật Công chứng 2024

Người đã có thời gian từ đủ 05 năm trở lên làm thẩm phán; kiểm sát viên; điều tra viên; thẩm tra viên chính ngành Tòa án; chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính thi hành án dân sự; kiểm tra viên chính ngành kiểm sát; trợ giúp viên pháp lý hạng II; thanh tra viên chính ngành tư pháp; chuyên viên chính, pháp chế viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật;

Thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên đã hành nghề từ đủ 05 năm trở lên;

Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật; tiến sĩ luật;

Người đã là thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án; chấp hành viên cao cấp, thẩm tra viên cao cấp thi hành án dân sự; kiểm tra viên cao cấp ngành kiểm sát; trợ giúp viên pháp lý hạng I; thanh tra viên cao cấp ngành tư pháp; chuyên viên cao cấp, pháp chế viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

2.3. Giới hạn độ tuổi của công chứng viên

Nếu như Luật Công chứng 2014 không quy định giới hạn độ tuổi hành nghề đối với công chứng viên, thì Luật Công chứng 2024 đã đặt ra giới hạn này ở mức 70 tuổi. Cụ thể, theo Khoản 1 Điều 10 và Khoản 1 Điều 16 Luật Công chứng 2024, một trong những điều kiện để được bổ nhiệm công chứng viên là không quá 70 tuổi, đồng thời công chứng viên sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm khi vượt quá độ tuổi này.

Ngoài ra, Khoản 5 Điều 76 Luật Công chứng 2024 đã quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các công chứng viên đang ở ngưỡng tuổi 70 như sau:

"Công chứng viên quá 70 tuổi đang hành nghề công chứng tại ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục hành nghề công chứng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành; công chứng viên từ đủ 68 đến đủ 70 tuổi tại ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được hành nghề công chứng đến khi đủ 72 tuổi. Khi hết thời hạn nêu trên, công chứng viên đương nhiên miễn nhiệm."

3. Loại bỏ việc công chứng bản dịch

Theo quy định mới tại Luật Công chứng 2024, các văn bản dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài không cần thực hiện thủ tục công chứng bản dịch mà chỉ cần chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực. Cụ thể, Luật Công chứng 2024 đã loại bỏ điều khoản về công chứng bản dịch và Điểm c Khoản 1 Điều 18 quy định về quyền của công chứng viên đã quy định: *"Được công chứng giao dịch theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản, chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực"*.

Một số điểm mới của Luật Công chứng 2024

4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng, Luật Công chứng 2024 có quy định chi tiết hơn về trách nhiệm bồi thường khi tổ chức hành nghề công chứng chuyển đổi, hợp nhất hoặc sáp nhập. Cụ thể, tổ chức hành nghề công chứng kế thừa sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thay cho tổ chức tiền nhiệm. Trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động, công chứng viên hoặc nhân viên gây thiệt hại phải tự chịu trách nhiệm bồi thường, ngay cả khi họ không còn làm việc tại tổ chức đó. Trong khi đó, Luật Công chứng 2014 không quy định rõ về trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp tổ chức hành nghề công chứng bị giải thể hoặc sáp nhập, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc bảo vệ quyền lợi của người bị thiệt hại.

Luật Công chứng 2014 mở rộng phạm vi trách nhiệm bồi thường của tổ chức hành nghề công chứng đối với thiệt hại do lỗi của công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên. Tuy nhiên, Luật Công chứng 2024 không đề cập đến trách nhiệm của người phiên dịch trong hoạt động công chứng, làm thay đổi phạm vi chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường so với quy định trước đó. Bên cạnh đó, Luật Công chứng 2024 cũng quy định rõ hơn về nghĩa vụ hoàn trả của công chứng viên, nhân viên gây thiệt hại. Dù họ có còn làm việc tại tổ chức hành nghề công chứng hay không, họ vẫn phải hoàn trả số tiền tổ chức đã bồi thường cho người bị thiệt hại. Trong khi đó, Luật Công chứng 2014 không có quy định cụ thể về nghĩa vụ hoàn trả trong trường hợp công chứng viên, nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động.

Luật Công chứng 2024 có nhiều điểm mới quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và bảo đảm tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chứng viên. Trong đó, việc bổ sung quy định về công chứng điện tử giúp tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các giao dịch, trong khi các điều chỉnh về điều kiện hành nghề công chứng viên góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên. Điều này cho thấy Nhà nước đã từng bước hiện đại hóa hệ thống công chứng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thúc đẩy môi trường pháp lý minh bạch, hiệu quả hơn.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp

Mua bán hàng hóa là một hoạt động thương mại phổ biến nhằm chuyển giao hàng hóa giữa hai bên vì mục đích sinh lời. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có tranh chấp phát sinh mà hai doanh nghiệp không thể thương lượng được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Khi đó, bên khởi kiện cần hiểu quy định pháp luật để nộp đơn khởi kiện đúng thẩm quyền giải quyết. Trong bài viết này, TNTP sẽ cung cấp cho bạn đọc kiến thức pháp lý về thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp tại Tòa án nhân dân Việt Nam.

1. Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp là gì?

Mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại nhằm trao đổi hàng hóa và tiền giữa bên bán và bên mua. Trong đó, bên bán thực hiện việc giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua thực hiện thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thoả thuận. Khi bên bán và bên mua có nhu cầu bán và mua hàng hóa của nhau, hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận một hợp đồng để quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể cho mỗi bên. Việc mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp trong bài viết này luôn gắn với mục đích tìm kiếm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của mỗi bên.

Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là những mâu thuẫn, bất đồng giữa hai doanh nghiệp với nhau trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và thường xảy ra khi một trong các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích chính đáng của bên còn lại.



Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp

2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp tại Tòa án

Khi các bên trong Hợp đồng mua bán hàng hóa xảy ra mâu thuẫn, bất đồng và lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp, việc xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đó sẽ được xác định như sau:

2.1. Tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại, trong đó có bao gồm các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Như vậy, khi hai doanh nghiệp ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa nhằm mục đích sinh lời thì tranh chấp phát sinh từ quan hệ này sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp tại cấp sơ thẩm của Tòa án

a. Các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện

Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tại cấp sơ thẩm, phần lớn Tòa án cấp huyện sẽ là cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp, trừ các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh (Được trình bày ở phần dưới).

b. Các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh

Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37, tại giai đoạn sơ thẩm, thông thường, các tranh chấp về hợp đồng mua bán giữa hai doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh khi thuộc một trong hai trường hợp sau: i) Những tranh chấp mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; ii) Tòa án cấp tỉnh tự mình lấy tranh chấp lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tòa án nhân dân cấp huyện.

2.3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án theo lãnh thổ

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 và Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án theo lãnh thổ sẽ được xác định như sau:

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp

Tòa án nơi đặt trụ sở của bị đơn;

Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi đặt trụ sở của nguyên đơn;

Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Nếu không biết trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;
- Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh của doanh nghiệp thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc nơi có chi nhánh của doanh nghiệp giải quyết;
- Nếu bị đơn không có trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi nguyên đơn đặt trụ sở để giải quyết;
- Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi các bên tiến hành thực hiện hợp đồng giải quyết;
- Nếu các bị đơn có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn có trụ sở giải quyết.

Như vậy, trong hầu hết các trường hợp, Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở sẽ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, pháp luật dân sự nói chung và pháp luật thương mại nói riêng vẫn luôn ưu tiên sự thỏa thuận, nguyện vọng của các bên. Vì vậy, trong trường hợp các đương sự không muốn Tòa án nơi bị đơn có trụ sở giải quyết tranh chấp thì các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn đặt trụ sở để giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, nguyên đơn cũng có quyền lựa chọn Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp trong một số trường hợp nêu trên.

Đối với hoạt động kinh doanh, thương mại của doanh nghiệp nhằm tìm kiếm lợi nhuận thông qua hoạt động mua bán hàng hóa, tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa trong các hoạt động này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, doanh nghiệp khi yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp cần xác định đúng thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ để yêu cầu khởi kiện được giải quyết một cách nhanh chóng và hiệu quả.

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2025

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19 Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818


Email: ha.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 /dsdc.com.vn/ & /tntplaw.vn/

 /giaiquyettranhchapvathuhoino/